

Tuần 22, 06/12/2026

## Áp lực lạm phát, thị trường tiếp tục loay hoay

### Tiêu điểm:

- CPI toàn phần của Mỹ đã tăng 0.5% trong tháng 5, kéo tỷ lệ lạm phát hàng năm lên mức 4.2%. Đây là mức lạm phát cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 4/2023. Đồng thời, đây cũng là lần đầu tiên trong vòng ba năm qua lạm phát của Mỹ vượt mốc 4%.
- Giá vàng thế giới giảm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (9/6), xuống mức thấp nhất trong hơn 2 tháng.
- Chỉ số (CPI) Việt Nam bình quân 5T2026 +4.31%, tiến sát ngưỡng lạm phát 4.5% Quốc hội đặt ra cho cả năm.
- (ECB) tăng lãi suất 0.25 điểm phần trăm, đưa lãi suất chủ chốt lên mức 2,25%...

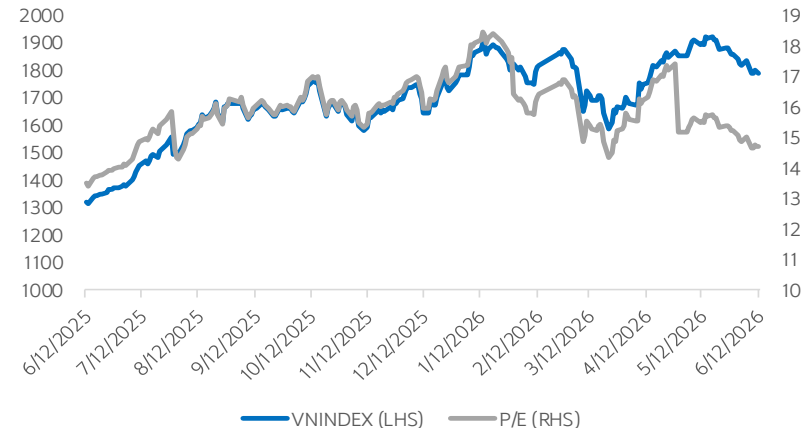
**Đánh giá:** Các thông tin về lạm phát cao tại Mỹ và Việt Nam chủ yếu đến từ đà tăng giá năng lượng. Mặc dù lạm phát lõi của Mỹ chỉ tăng 2.9%, mức này vẫn đủ để thị trường cân nhắc đến kịch bản khó duy trì mật bằng lãi suất thấp trong năm nay. Cụ thể, ECB đã tăng lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2023, trong khi BOJ cũng được kỳ vọng sẽ nâng lãi suất trong thời gian tới. Trong ngắn hạn, thị trường khó có thể xuất hiện nhịp bứt phá nếu các thông tin mới không tạo được tác động tích cực đủ lớn lên tâm lý nhà đầu tư.

**Góc nhìn kỹ thuật:** VN-Index đóng cửa tuần tại 1,791.65 điểm (-47.25 điểm; -2.57%) trên đồ thị tuần, với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Khối ngoại duy trì bán ròng trung bình khoảng 500 tỷ đồng/phiên và chưa cho thấy bất kì tín hiệu ngừng việc bán ròng. Hiện thị trường đã đánh mất đường MA50 quanh vùng 1,800 điểm từ đầu tuần và vẫn chưa thể lấy lại được mốc này. Với xu hướng hiện tại, khả năng cao VN-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh về vùng 1,700–1,750 điểm, tương ứng vùng hỗ trợ cận dưới.

**Ý tưởng đầu tư:** Nhà đầu tư có thể tập trung tích lũy các cổ phiếu có cấu trúc giá đi ngang hoặc chỉ điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn duy trì tăng trưởng KQKD tích cực cho mục tiêu trung hạn. Không nên gia tăng tỷ trọng giao dịch ngắn hạn khi xu hướng thị trường vẫn đang trong nhịp điều chỉnh. Đồng thời, nhà đầu tư cũng không nên mua đuổi, bởi độ lan tỏa kém của dòng tiền có thể khiến các nhịp tăng giá thiếu tính bền vững.

Dữ liệu thị trường tuần	% Thay đổi					Định giá			
	Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B
VN-Index	1,792	-2.6	-5.8	4.8	0.4		14.7	2.0	321
Upcom Index	126	1.0	-0.2	2.0	4.4		12.5	1.5	25
HNX Index	302	3.0	19.4	22.0	21.6		19.6	1.7	17
VN30 Index	1,944	-2.1	-5.3	4.5	-4.2		12.9	2.1	236
S&P 500 Index	7,394	0.1	-0.1	10.8	8.0		27.2	5.6	65,875
STOXX Europe 600 Index	632	1.2	3.8	5.2	6.4		17.2	2.4	18,398
Hang Seng	24,659	-1.4	-6.6	-4.3	-3.9		12.6	1.3	3,719
Nikkei 225	66,020	-0.9	5.2	21.2	31.1		23.7	3.0	6,249
SHCOMP Index	4,032	0.1	-4.3	-2.4	1.6		1.5	1.5	9,417
STI Index	5,014	-0.8	1.3	3.2	7.8		16.8	1.6	574
KOSPI Index	8,124	-0.5	6.3	45.5	92.8		21.3	2.2	4,061

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,  
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT

## Theo vốn hóa và ngành

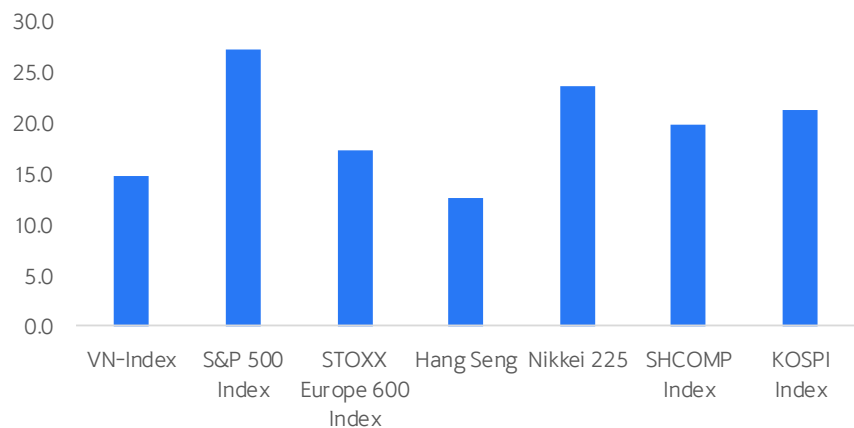


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Large Cap	-2.6	-7.5	199.7	1.7	-16.1	-35.1	-40.4	-50.6	91.5	-0.5	15.3	2.3	7,808,212
Mid Cap	-0.9	-3.7	89.7	-2.2	-11.1	-35.5	-50.2	-61.9	7.7	0.4	10.5	1.2	528,171
Small Cap	-0.2	-2.6	13.5	-7.5	-3.4	2.0	-18.7	-29.7	0.8	0.1	10.7	0.7	70,019

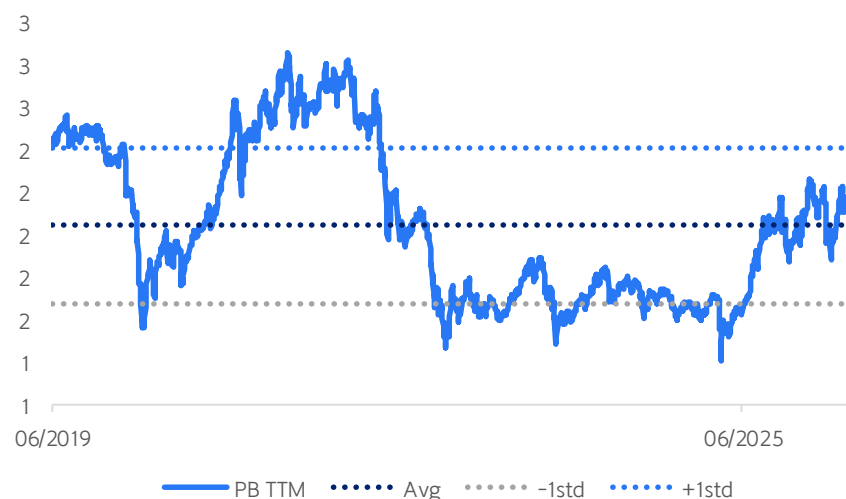
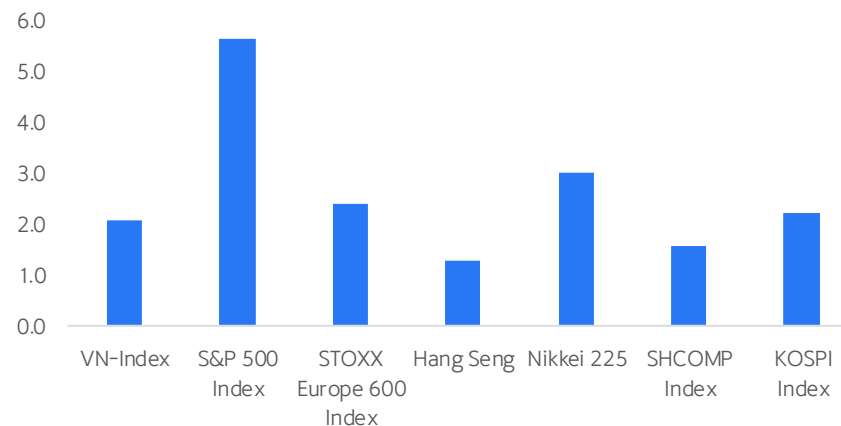
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change		P/E
Xây dựng và vật liệu	0.5	-4.1	378.3	-5.9	5.0	-35.2	-54.1	-54.6	4.5	0.9	10.4	1.3	135,495
Tiện ích	0.1	-6.3	414.9	7.0	-36.9	-60.8	-61.9	-74.2	1.3	-0.4	13.9	2.1	348,556
Thực phẩm và đồ uống	0.1	-1.7	772.7	-13.4	1.1	-20.1	-32.8	-55.2	3.9	0.7	15.3	3.0	483,732
Hóa chất	-0.1	-11.2	338.8	18.0	-4.9	-40.1	-60.7	-69.6	2.7	0.3	16.1	1.9	224,911
Dược và Y tế	-0.2	-1.7	13.1	-7.2	-37.2	-63.9	-61.4	-59.0	0.1	0.0	17.5	2.0	37,311
Ngân hàng	-0.4	-3.7	203.2	2.1	-14.0	-25.6	-24.9	-39.5	33.4	0.8	9.5	1.6	2,617,701
Tài chính	-1.8	-9.5	67.2	-2.7	-7.7	-27.6	-39.2	-50.1	13.7	1.2	15.3	1.7	477,696
Công nghệ Thông tin	-2.0	-2.0	3,168.2	-22.1	-41.8	-39.8	-26.9	-44.3	5.0	-2.2	13.4	2.9	138,988
Bán lẻ	-2.1	-4.1	-5.4	-12.5	-20.4	-34.6	-45.7	-58.0	3.2	-0.2	17.8	3.3	151,833
Tài nguyên cơ bản	-2.2	-3.5	0.0	-2.1	-12.4	-44.4	-57.8	-67.8	3.5	0.1	13.2	1.4	236,354
Ô tô & Phụ tùng	-2.2	-5.4	16.6	-3.0	-18.9	-43.5	-57.0	-55.0	0.3	0.0	3.6	0.9	16,786
Dầu khí	-2.3	-14.9	247.2	45.0	-29.5	-61.1	-59.9	-71.4	2.8	-0.5	26.4	2.4	208,269
Truyền thông	-2.6	-5.8	-16.6	-14.8	-30.4	-29.9	-51.6	-67.1	0.0	0.0	23.5	0.9	2,289
Du lịch và Giải trí	-3.1	-0.2	107.0	-10.1	-1.4	-7.7	-16.0	-25.6	2.3	0.3	26.4	4.9	336,300
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.7	-4.8	183.6	-7.2	40.6	0.9	-37.7	-63.5	0.8	0.3	6.9	1.5	54,987
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-4.4	-12.2	39.9	-7.8	-6.9	-40.0	-46.8	-54.0	5.7	0.5	14.8	2.1	243,743
Bảo hiểm	-4.6	-6.6	8.9	10.9	-27.7	-50.8	-58.2	-69.3	0.2	0.0	14.7	1.8	61,647
Bất động sản	-5.7	-11.6	342.1	5.8	-23.9	-43.6	-47.5	-50.5	16.5	-1.7	31.3	3.4	2,473,043

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

### P/E



### P/B



# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	-1,095	-4,166	-14,296	-30,087
Indonesia	-350	-760	-1,967	-3,914
Nhật Bản*	-4,373	-4,373	77,860	66,167
Maylaysia	-142	-402	-1,292	-610
Hàn Quốc	-4,007	-15,540	-42,851	-79,864
Sri Lanka	0	-1	-41	-105
Đài Loan	-9,411	-11,840	4,968	-13,944
Thái Lan	-184	-7	23	663
Việt Nam	-97	-374	-1,639	-2,747

\*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
<b>Tổng các quỹ ETF</b>	<b>2,465</b>	<b>-5.0</b>	<b>-43.3</b>	<b>-121.0</b>	<b>-152.8</b>
<b>Nước ngoài</b>	<b>1,711</b>	<b>-4.7</b>	<b>-31.3</b>	<b>-110.3</b>	<b>-125.5</b>
VanEck Vectors Vietnam ETF	549	-1.8	-1.8	-41.2	-26.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	373	-2.9	-21.9	-58.5	-98.0
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	371	0.0	-3.1	-5.7	5.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	212	0.0	-4.4	-4.4	-6.7
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	-0.5	-0.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Trong nước</b>	<b>754</b>	<b>-0.3</b>	<b>-12.0</b>	<b>-10.8</b>	<b>-27.3</b>
DCVFMVN Diamond ETF	441	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	227	-0.3	-5.0	-4.1	-19.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.1	0.6	1.3
MAFN VN30 ETF	24	0.0	-7.2	-7.6	-10.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	26	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	0.0	0.3	0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

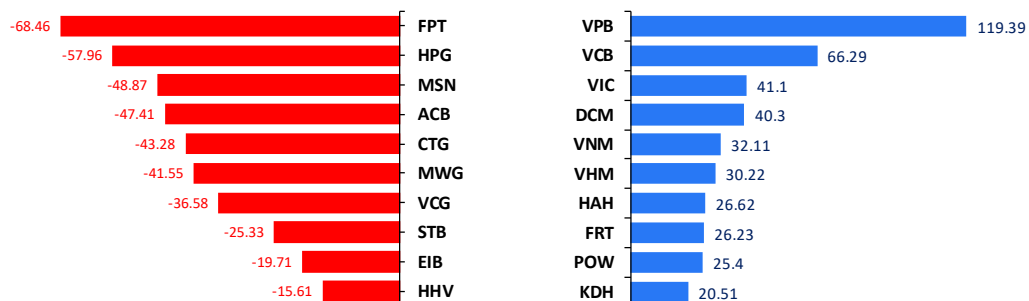
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

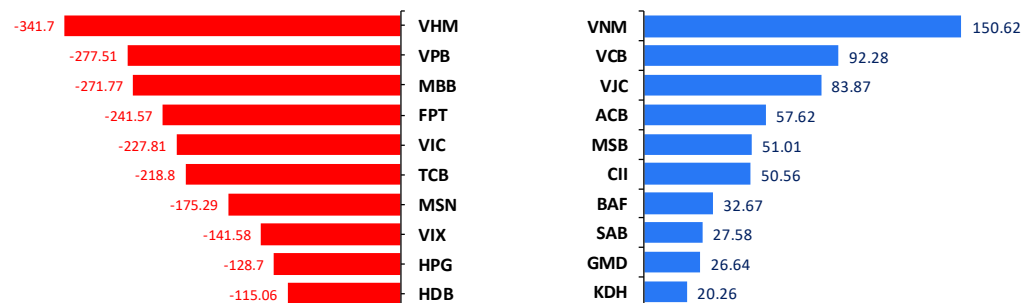
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

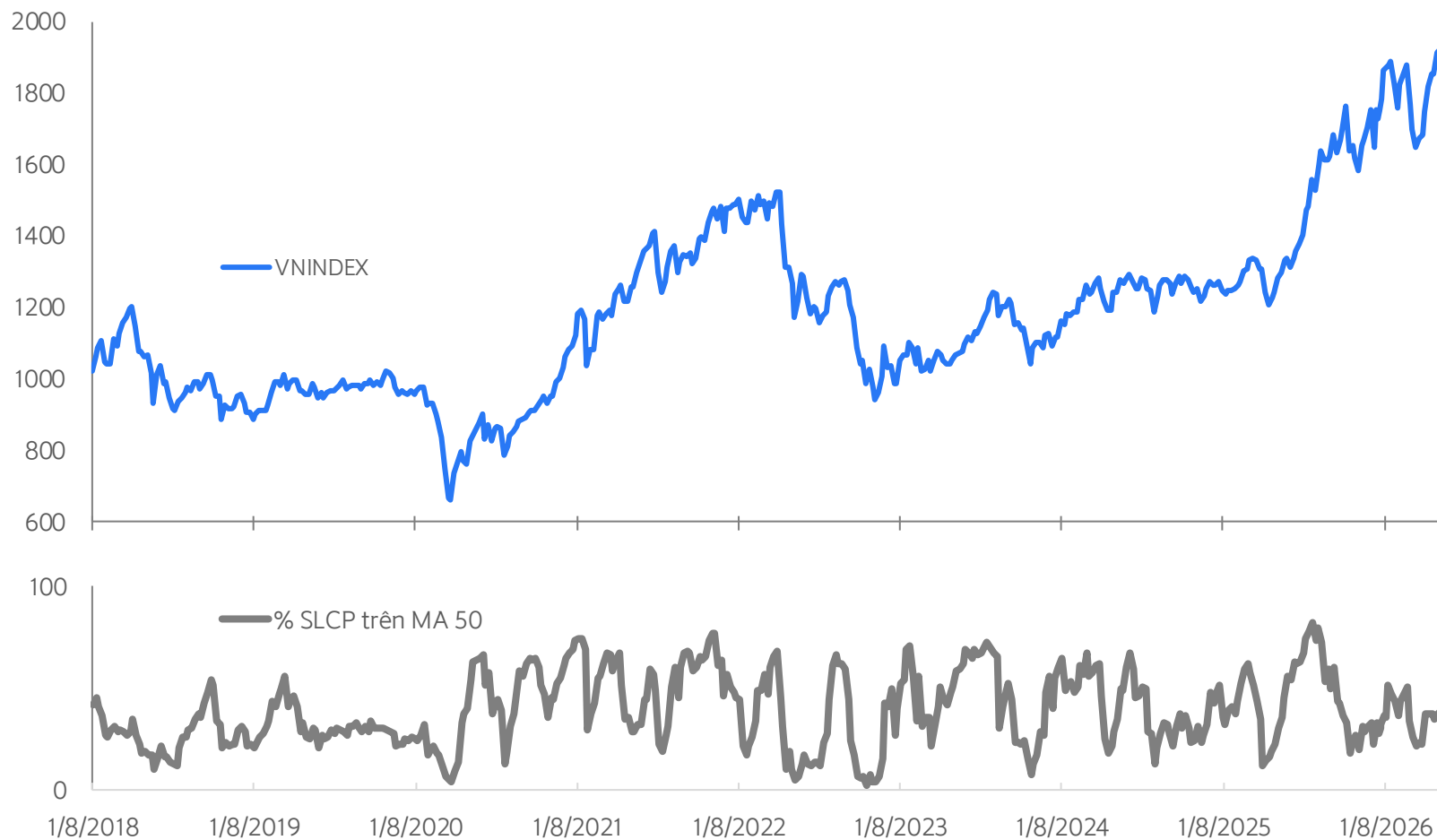
### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	86	-486	172	314
Tài nguyên Cơ bản	-47	-136	-4	140
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48	-55	64	-8
Y tế	0	-1	-1	2
Hóa chất	56	-63	63	-1
Dịch vụ tài chính	22	-400	293	107
Du lịch và Giải trí	7	33	-174	141
Ngân hàng	103	-958	-569	1,527
Xây dựng và Vật liệu	-50	29	35	-65
Thực phẩm và đồ uống	-12	-108	21	87
Bán lẻ	-14	11	-88	77
Điện, nước & xăng dầu khí	30	-24	37	-13
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1	-12	7	5
Công nghệ Thông tin	-65	-299	421	-122
Ô tô và phụ tùng	0	-30	-23	53
Bảo hiểm	1	4	-6	2
Dầu khí	17	-12	-5	16
<b>Tổng</b>	<b>179</b>	<b>-2,506</b>	<b>243</b>	<b>2,263</b>

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

# WEEKLY SNAPSHOT

## Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	46	Neutral	Weak	DXG	43	Neutral	Weak	BVH	40	Neutral	Weak	HPG	35	Neutral	Weak	GEX	40	Weak	Neutral
MBB	44	Neutral	Weak	NVL	40	Weak	Weak	BMI	37	Weak	Weak	NKG	36	Neutral	Weak	VSC	27	Weak	Weak
HDB	41	Neutral	Weak	DIG	34	Weak	Weak	BIC	65	Neutral	Neutral	HSG	39	Weak	Weak	PVT	43	Weak	Weak
VPB	40	Neutral	Weak	VRE	38	Weak	Weak	VIX	42	Weak	Weak	SMC	29	Weak	Weak	GMD	52	Neutral	Neutral
MSB	64	Neutral	Strong	PDR	36	Weak	Weak	SSI	34	Weak	Weak	CII	48	Neutral	Weak	HAH	42	Neutral	Weak
TCB	41	Neutral	Weak	VIC	42	Weak	Neutral	VND	50	Neutral	Neutral	HHV	37	Neutral	Weak	GEE	34	Weak	Weak
EIB	37	Neutral	Weak	KDH	45	Neutral	Weak	VCI	33	Weak	Weak	VCG	37	Weak	Weak	VOS	32	Weak	Weak
ACB	68	Strong	Strong	VHM	40	Weak	Weak	HCM	46	Weak	Neutral	PCI	47	Neutral	Weak	APH	50	Neutral	Neutral
TPB	58	Strong	Neutral	TCH	39	Neutral	Weak	TCX	26	Weak	Weak	FCN	33	Weak	Weak	VTP	21	Weak	Weak
STB	55	Neutral	Strong	KBC	48	Neutral	Weak	ORS	35	Neutral	Weak	VGC	42	Neutral	Weak	SBG	77	Strong	Strong
CTG	36	Weak	Weak	HDG	39	Neutral	Weak	VDS	50	Neutral	Neutral	DPG	40	Neutral	Weak	REE	35	Neutral	Weak
VIB	50	Neutral	Neutral	HDC	45	Neutral	Weak	FTS	39	Weak	Weak	CTD	39	Neutral	Weak	PAC	35	Weak	Weak
SSB	61	Neutral	Strong	NLG	41	Neutral	Weak	CTS	50	Neutral	Neutral	CTR	47	Neutral	Neutral	TV2	36	Weak	Weak
VCB	48	Neutral	Neutral	DXS	41	Weak	Weak	BSI	34	Weak	Weak	HT1	40	Neutral	Weak	TCM	20	Weak	Weak
NAB	59	Neutral	Strong	NTL	37	Weak	Weak	TCI	64	Strong	Strong	CTI	36	Neutral	Weak	TLG	32	Neutral	Weak
OCB	63	Strong	Strong	SIP	42	Neutral	Weak	TVB	54	Neutral	Neutral	BMP	40	Neutral	Weak	PNJ	30	Weak	Weak
BID	43	Weak	Neutral	SZC	42	Neutral	Weak	DSE	45	Neutral	Weak					MSH	33	Neutral	Weak
LPB	33	Weak	Weak	BCM	44	Neutral	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	48	Neutral	Neutral	PVD	42	Weak	Weak	MSN	36	Weak	Weak	YEG	21	Weak	Weak	VPL	41	Weak	Neutral
SAM	38	Neutral	Weak	BSR	48	Weak	Neutral	VNM	46	Neutral	Neutral	DCL	43	Neutral	Weak	VJC	57	Strong	Strong
ELC	36	Neutral	Weak	PLX	48	Neutral	Neutral	DBC	29	Weak	Weak	DBD	51	Neutral	Neutral	HVN	43	Neutral	Weak
CMG	43	Neutral	Weak	POW	47	Neutral	Neutral	BAF	55	Neutral	Neutral	TNH	26	Weak	Weak	SCS	26	Neutral	Weak
MWG	40	Neutral	Weak	NT2	38	Neutral	Weak	SAB	60	Neutral	Strong	JVC	46	Neutral	Weak	VNG	49	Neutral	Neutral
DGW	34	Weak	Weak	GAS	54	Neutral	Strong	ANV	27	Weak	Weak					HAX	26	Neutral	Weak
PET	51	Neutral	Neutral	GEG	45	Neutral	Weak	VHC	41	Neutral	Weak					DRC	25	Weak	Weak
FRT	24	Weak	Weak	PPC	40	Neutral	Neutral	MCH	42	Neutral	Weak								

### Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	KDH	23.1	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
2	HPG	23.2	26	23.5	12.1%	Kì vọng KQKD Q1 tăng trưởng ấn tượng, Cổ phiếu đã quay lại xu hướng tăng nhưng cần xem xét kháng cự tâm lý vùng 28 - 29
3	CTD	70.8	NA	NA	NA	Cổ phiếu đã điều chỉnh về vùng giá hỗ trợ vững chắc, thanh khoản cạn.

### HSX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	FDC	Bất động sản	14.20 - 26.40	21.5	-13.3%
2	SMA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.31 - 11.65	7.3	-12.9%
3	VTO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.70 - 14.00	10.7	-11.9%
4	DTL	Tài nguyên Cơ bản	9.25 - 16.85	9.8	-11.7%
5	VPD	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	21.85 - 26.80	22.6	-11.5%

\* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.4%	6.9	4.70 - 16.60	Thực phẩm và đồ uống	HSL
23.2%	3.4	2.05 - 7.22	Bất động sản	LDG
20.6%	19.0	8.60 - 20.55	Xây dựng và Vật liệu	C32
17.8%	5.2	4.11 - 13.35	Dịch vụ tài chính	APG
13.0%	5.0	3.08 - 7.48	Hàng cá nhân & Gia dụng	SVD

### HNX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CAN	Thực phẩm và đồ uống	22.00 - 40.80	22.0	-21.4%
2	PTX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.10 - 34.80	18.4	-18.2%
3	TSB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.00 - 44.90	19.3	-12.7%
4	VE1	Xây dựng và Vật liệu	2.90 - 5.50	3.1	-11.4%
5	C69	Xây dựng và Vật liệu	6.00 - 20.20	16.8	-11.1%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.3%	2.8	1.70 - 7.00	Xây dựng và Vật liệu	SVN
25.3%	7.3	5.44 - 7.86	Xây dựng và Vật liệu	DC2
16.7%	0.7	0.50 - 3.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DDG
15.8%	151.1	25.40 - 173.00	Bất động sản	THD
12.2%	12.9	10.00 - 16.50	Thực phẩm và đồ uống	SJ1

### Upcom

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KTL	Tài nguyên Cơ bản	12.60 - 30.80	12.6	-40.0%
2	POB	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	30.50 - 50.80	30.5	-40.0%
3	TNV	Hàng cá nhân & Gia dụng	9.10 - 27.80	10.2	-28.2%
4	GCB	Tiêu dùng không thiết yếu	4.50 - 21.50	4.5	-22.4%
5	SJM	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 10.30	7.0	-22.2%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
92.9%	5.4	2.30 - 7.30	Xây dựng và Vật liệu	ACS
87.5%	7.5	2.90 - 7.50	Hóa chất	GER
85.0%	92.5	50.00 - 92.50	#N/A	NHD
55.1%	24.2	10.00 - 32.40	Xây dựng và Vật liệu	QCC
40.0%	40.6	16.60 - 49.30	Bán lẻ	PNG

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

### Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	<b>QCG</b>	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	2,810.4	128.5	13.0	3.65 - 5.73	7.3
2	<b>VHC</b>	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	14,485.6	106.8	57.1	50.70 - 69.90	-0.7
3	<b>SJS</b>	SUDICO	Bất động sản	1,784.6	93.8	49.0	34.86 - 84.80	-1.9
4	<b>OCB</b>	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	77,413.6	70.8	12.5	10.09 - 15.40	1.2
5	<b>TPB</b>	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	228,152.1	66.5	16.4	12.48 - 21.71	0.9
6	<b>FRT</b>	Bán lẻ FPT	Bán lẻ	64,637.1	64.6	121.0	119.00 - 181.00	-3.0
7	<b>PHR</b>	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	39,960.6	63.9	63.6	48.65 - 74.70	-1.4
8	<b>KDC</b>	Tập đoàn KIDO	Thực phẩm và đồ uống	53,855.2	63.4	49.9	38.70 - 59.00	-2.2
9	<b>TCI</b>	Chứng khoán Thành Công	Dịch vụ tài chính	5,106.8	60.7	12.3	7.78 - 13.55	1.2
10	<b>CDC</b>	Chương Dương Corp	Xây dựng và Vật liệu	2,379.1	58.2	18.7	7.93 - 23.50	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### Tỷ giá

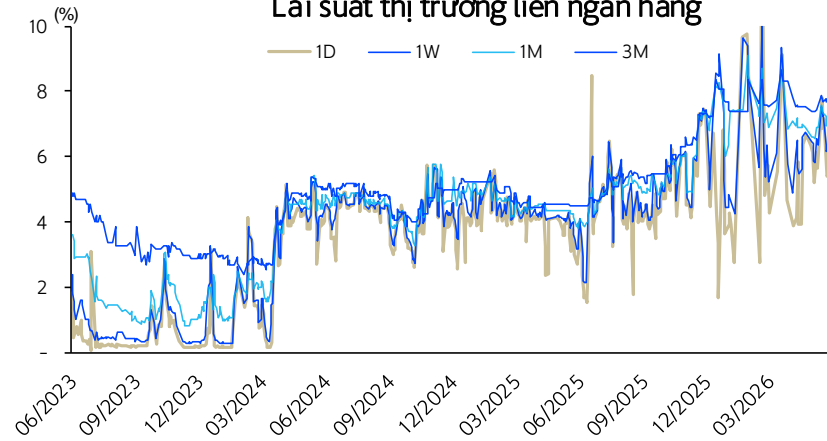
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.89	-0.2	1.6	0.2	1.6	
VND/USD	26,326	0.0	0.0	0.2	0.1	
KRW/USD	1,520.75	-2.5	1.8	2.2	5.6	
JPY/USD	160.23	0.0	1.6	0.6	2.2	
EUR/USD	0.86	-0.4	1.5	-0.5	1.5	
SGD/USD	1.28	-0.5	1.0	0.4	-0.1	
CNY/USD	6.76	-0.4	-0.5	-1.7	-3.2	

### Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	85.54	-5.5	-16.3	-10.6	49.0	
Xăng	302.34	-0.7	-18.2	2.0	77.3	
Gas	3.07	-4.8	8.1	-4.9	-16.6	
Than	151.75	2.8	16.0	14.0	41.2	
Vàng	4,199.81	-3.0	-10.9	-17.3	-2.8	
Bạc	66.51	-2.0	-23.1	-20.7	-7.2	
Platinum	1,724.34	-3.2	-19.1	-19.2	-16.3	
Quặng sắt	101.60	-0.4	-8.8	-1.9	-5.2	
Thép cán	3,380.00	-0.5	-3.3	3.4	3.4	
Lúa mì	584.75	0.8	-12.1	-1.3	15.3	
Ngô	412.75	-1.1	-11.7	-7.9	-6.2	

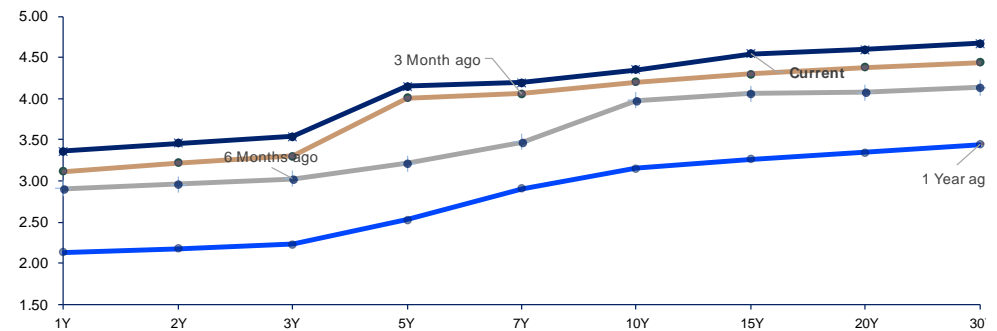
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.36	3.46	3.54	4.15	4.19	4.35	4.54	4.30	4.06
Thay đổi (WoW)	2.30	2.30	2.30	1.80	1.90	1.30	2.50	1.70	2.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.  
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.